

# CHÙA MÍA

THS. LAN ANH\*

Đến nay không ai rõ được chùa Mía được dựng tự bao giờ, nhưng nhiều nhà khoa học đã ngỡ rằng mảnh đất Đường Lâm này là tâm điểm trong mối giao thoa giữa vùng cao và vùng thấp, một nơi tụ hội của các dòng văn hoá giữa bản địa với Phật giáo, Bà la môn giáo, văn hoá Trung Hoa mà dệt nên những cung bậc của tư duy đời thường - một tư duy hướng đến miền thiện tâm. Và, một điểm nhấn là chùa Mía.

Theo dòng chảy của sự thâm nhập Phật giáo vào nước ta, nhiều nhà nghiên cứu Phật học ngỡ rằng vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên vị đại Phật tử, đại anh hùng của Ấn Độ là vua Asoka đã cho dựng ở núi Nê Lê một cây tháp Phật. Gần đây nhiều nhà nghiên cứu như tìm ra được nơi cây tháp này là ở vùng Tam Đảo<sup>1</sup>, thuộc giai đoạn đầu, khi người Việt tiến xuống khai phá mạnh mẽ hơn ở vùng châu thổ thấp. Từ Tam Đảo có thể có hai con đường đi xuống phía dưới, một là đi qua vùng Phúc Yên - Bắc Ninh, hai là đi qua vùng Trung Hà - Sơn Tây. Con đường thứ hai đã xác nhận quả núi Ba Vì là núi chủ của cả dân tộc, là một trục vũ trụ đảm bảo mọi nguồn hạnh phúc muôn mặt thuộc lĩnh vực nông nghiệp của cư dân ta thời cổ. Cũng có thể Đường Lâm là một trong những làng cổ truyền đầu tiên đánh dấu bước phát triển này, để từ đó chúng ta thấy chùa Mía như một mốc son trên dặm dài lịch sử.

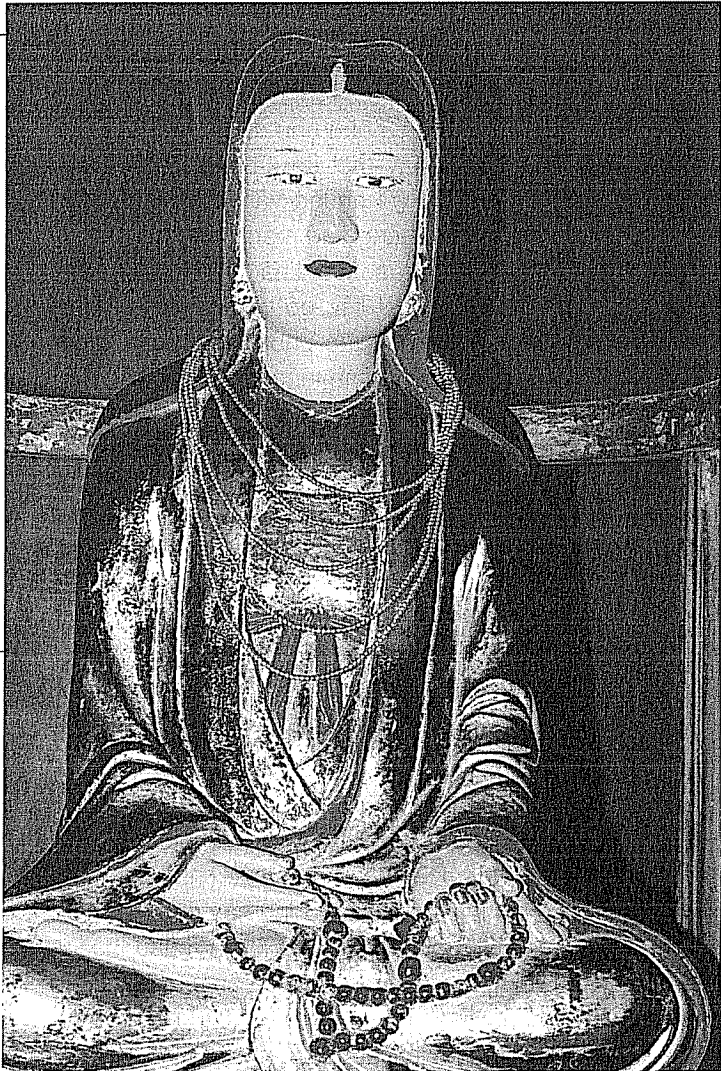
Hiện nay, người ta không thể biết được dấu tích cổ truyền từ thời "xa lắc xa lơ" ấy nữa. Nhưng, chỉ một thượng điện được xây trên nền khá cao đã cho chúng ta thấy được dấu tích một ngôi chùa khá cổ, một loại kết cấu bắt nguồn từ thời khởi đầu cho tới tận thế kỷ XVI. Chùa Mía chắc chắn nằm trong một trung tâm quần tụ của người xưa, nên luôn được quan tâm, để tới thế kỷ

thứ XVII trong xu hướng quay trở lại với Phật giáo, nhằm ổn định xã hội, thì nhiều ngôi chùa cũng như các di tích trung tâm khác đã được triều đình qua những phi tần và các vị chức sắc nào đó, đứng ra hưng công. Có thể thấy được trong tinh thần ấy rất nhiều chùa như chùa Thầy, chùa Bút Tháp, chùa Phật Tích... rồi đến vua Đinh, vua Lê đều đã được chuyển hoá thành dạng kết cấu kiểu trăm gian. Song, tất cả kiến trúc đó đều có niên đại vào những năm 40 - 50 của thế kỷ XVII và gần như chỉ riêng chùa Mía là có niên đại vào cuối những năm 20 và đầu những năm 30 của thế kỷ XVII (khoảng niên đại và nghệ thuật với đình Tường Phiêu, Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Tây - một ngôi đình gần như duy nhất của những năm đầu thế kỷ này)<sup>2</sup>. Như thế có thể nghĩ rằng, chùa Mía được tạo dựng lại qua sự hưng công của bà Ngọc Dong (thực tế là Ngọc Dao) đã là một khởi đầu của dạng chùa theo kiểu thức mới với dòng Phật giáo Lâm Tế và Tào Động du nhập mạnh hơn từ Trung Hoa. Tuy nhiên, bởi mang tính khởi đầu nên tạm có thể nghĩ rằng, đương thời kiến trúc này chưa to lớn lắm. Dấu tích để lại cho chúng ta hiện nay chỉ xác nhận được cụ thể gồm toà tiền đường, thượng điện và toà nhà hậu. Hiện nay, những bộ vì và cột gỗ mít mà những đường gân đặc quánh vẫn còn được gìn giữ ở đây. Vào đương thời chùa đã có tam quan kiêm nhà bia (nay vẫn để hai tấm bia). Ngoài ra, tất cả những hành lang, tiền bái, tả hữu vu và các kiến trúc khác đều chỉ là sản phẩm được bổ sung vào thời kỳ sau.

Như đã trình bày, chùa Mía có thể là một ngôi chùa khá cổ, một nơi sinh hoạt tâm linh còn mang nhiều dấu ấn chung của các cư dân Đông

\* SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN HÀ TÂY

Nam Á. Nếu như ở Thái Lan, Lào và một số nước quanh vùng, bố cục ngôi chùa thường có kèm chợ, thì ở nước ta hiện tượng này cũng khá phổ biến trên diện rộng, như chùa Dầu có chợ Âm, chùa Nành cũng có chợ cạnh chùa, ngay cả đến chùa Hương Tích trên núi Hồng Lĩnh (Hà Tĩnh) trước chùa cũng có chợ Âm... Vì thế, ngôi chợ trước cửa chùa Mía phải được coi là một phạm trù trong hệ thống của kiến trúc này. Người xưa nghĩ rằng chùa và chợ là một cặp phạm trù thống nhất, hai không gian có vẻ như đối lập nhưng thực sự lại cần phải nương dựa vào nhau để tồn tại. Con người sống trong sự ồn ào của dục vọng, của sự bon chen nhiều khi tàn bạo (chợ) nhưng khi bước qua cửa chùa thì họ như được chìm đắm vào miền thánh thiện thanh tao khiến cho họ trở nên tĩnh tâm, và, thực chất đã



Bà Chúa chùa Mía, gỗ, thế kỷ XIX - Ảnh: T.L

tạo cho con người sự cân bằng tâm hồn và thoát khỏi được sự giầy vò của tục lụy để họ vững tâm bước về phía trước.

Ở lĩnh vực phong thủy, chùa Mía được nằm trên một mảnh đất cao, xa xa có sông Tích chảy từ bên hữu sang bên tả mang nghĩa đem dòng sinh lực từ dương về âm để muôn loài muôn vật trong không gian này phát sinh, phát triển. Chùa được quay hướng Tây Nam vừa hướng đến trí tuệ để hành thiện (Nam) vừa có ý thức cầu mong thần linh yên vị (Tây).

Trong khuôn viên chùa, mở đầu là tam quan, trước đây có treo chuông và khánh. Lên tam quan phải qua năm bậc mà nhà chùa cho chúng tôi biết: Đó là hình tượng chúng sinh của năm phương thế gian hội tụ về mảnh đất trí tuệ này.

Tam quan có hai tầng mái tượng cho âm - dương đối đãi để mỗi khi tiếng thu không rung lên như nhắc nhở trời - đất, âm - dương hoà hợp, và để cho con người mỗi sáng mỗi chiều tự dọn lòng mình, hoà vào thiên nhiên vũ trụ nhằm đi tìm chính mình, chính tâm. Ngôi tam quan tuy không cao, không lớn nhưng đã làm theo hình thức cổ truyền nên vẫn mang nét ấm cúng, trữ tình để cho người Phật tử khi bước tới đây đã dẹp bỏ được lòng trần, khởi lòng tịnh mà hướng tới cõi thiêng liêng. Tầng trên của tam quan đặt tượng của một vị hộ pháp nhỏ đứng, hai tay tượng chấp trước ngực, đầu đội mũ kim khôi, mặc áo giáp nhẵn nhụi với các hoa văn nổi khối. Trong tư cách đó, các nhà nghiên cứu nghệ thuật tạo hình Phật giáo thường cho rằng đây là bóng dáng của thái tử Kỳ Đà, đôi khi còn gọi là đức Tam Châu.

Tầng dưới của Tam quan hiện nay còn để hai tấm bia đá cổ to vừa phải, tấm bia bên phải *Thập phương công đức bi ký* được làm năm Cảnh Hưng 11 (1750) và tấm bia bên trái làm năm Vĩnh Tộ 2 (1620). Đáng quan tâm ở tấm bia Vĩnh Tộ là diềm bia còn giữ được vân leo tay mướp theo phong cách thời Mạc, mặt trước trán bia được thể hiện đôi rồng chầu mặt trời và mặt sau thay cho đôi rồng chầu là hai hoa cúc tượng cho mặt trời - mặt trăng hay

tượng cho âm - dương đối đãi. Tên bia đề *Sùng Nghiêm tự thị bi* ghi chép về việc lập chợ Mía, điều đó càng cho thấy chợ trước mặt chùa là một bộ phận không thể tách rời.

Tiếp sau cửa tam quan là đường nhất chính đạo dẫn vào sân chùa. Từ đây, vào đến tiền bái chúng ta phải bước qua bảy bậc, mà theo nhà chùa là tượng cho bảy bước đi của đức Phật vào toàn cõi vũ trụ để cứu vớt muôn loài về miền hạnh phúc.

Toà nhà này có bảy gian theo lối tường hồi bít đốc tay ngai. Bộ vì nóc làm theo kiểu giá chiêng. Phần cốt gian cũng chỉ gồm một kèo ngói và xà nách. Tất cả các gian ở toà này đều có xà lòng nối với xà nách (những kiến trúc có xà lòng ở thế kỷ XIX chủ yếu chỉ đặt tại hai gian đầu hồi trong kết cấu tường hồi bít đốc).

Ở gian đầu hồi bên phải tiền bái được đề một tấm bia lớn có niên đại đời Đức Long thứ 6 (1634). Đây là một tấm bia khá đặc biệt về nghệ thuật với các nét chạm nổi trau chuốt xen kẽ giữa rồng và hoa lá, tương tự như bia chùa Bút Tháp, chùa Thầy, chùa Keo và nhiều nơi khác (niên đại khoảng giữa thế kỷ XVII), bia có đường diềm trang trí theo bố cục hoa và chim xen kẽ. Đó là một đặc điểm hầu như của riêng giai đoạn nghệ thuật tạo hình từ cuối những năm 20 đến những năm 70 của thế kỷ XVII.

Toà tiền đường nằm song song với tiền bái, có kết cấu năm gian hai chái lớn với độ dài tương đương. Đáng quan tâm ở kiến trúc này là còn giữ được khá nhiều kết cấu bằng gỗ mít. Các bộ vì được làm theo kiểu giá chiêng, hai bên có rường cụt, đã bỏ ván bụng. Phần trang trí chủ yếu được làm từ đầu dư trở xuống. Các đầu dư của năm gian ở giữa đều được làm kiểu đầu rồng tương đối nhỏ và vẫn còn giữ được nét đao mảnh dài bay ra sau, đáng quan tâm là ở dưới bụng rồng có một đôi tay nắm lấy râu, đó là hiện tượng hiếm thấy ở những đầu dư.

Cốt của các vì này được làm kiểu chống rường, ở đầu các con rường được chạm vân xoắn còn mang nhiều nét kế thừa gần gũi của phong cách Mạc. Đồng thời, mặt bên của các xà nách vẫn còn sử dụng hình thức trang trí vân xoắn lớn và những hoa cúc nhìn chính diện được cách điệu, một điểm đáng quan tâm là đã xuất hiện những đao mác trên vân xoắn ở đầu bẩy. Bằng vào những mảng trang trí và những hoa văn chúng ta có thể xếp toà tiền đường của chùa

Mía vào niên đại của nửa đầu thế kỷ XVII, sớm hơn chùa Bút Tháp và chùa Thầy vài chục năm.

Thượng điện có nền khá cao, ở đây còn thấy nhiều chân tảng lớn, với mỗi cạnh hơn 0,7m và như vậy đường kính cột cũng gần với con số này và chắc chắn nơi đây đã có một ngôi chùa cổ (tương tự như chùa Nả, Ba Vi, Hà Tây). Chân tảng bằng chất liệu đá vôi đã cho biết niên đại của nó có lẽ chỉ từ thời Mạc về sau.

Toà nhà Hậu cũng theo kết cấu kiểu giá chiêng cổ truyền, với rường con cung khá lớn. Ở đây những cột gỗ mít to lớn, những câu đầu còn mập mập và vẫn giữ được nguyên vẹn những đầu dư hình rồng, vừa thoáng có nét của phong cách Mạc nhưng đồng thời những đao đã mang dấu ấn của thế kỷ XVII. Những cốt ở gian này đều theo kiểu chống rường với rường thứ nhất là đuôi của đầu dư, rường thứ hai ăn mộng vào đầu cột cái rồi chạy ra và rường thứ ba là xà nách. Ngăn cách giữa các con rường là ván bụng và các đấu, làm khá cao để tương ứng. Những đầu bẩy cũng khá dài và hầu như được thay lại toàn bộ. Trong gian này một số xà nách còn được chạm trổ khá kỹ với những vân xoắn, hoa cúc cách điệu cùng những đao mảnh nhẹ bay ra.

Tượng của chùa Mía khá nhiều, chủ yếu được làm bằng chất liệu gỗ và đất luyện, hiện bày không theo quy tắc phổ biến nào. Ở góc trong cùng hai bên hành lang là nơi đặt ban thờ Đức Ông và Thánh Tăng, còn ở sườn là nơi đặt tượng tổ truyền đấng. Từ bên trái qua bên phải nhà Hậu lần lượt tại các gian bày các tượng Nam Tào - Bắc Đẩu, Quan Âm tọa sơn ngồi trong động, phía trên có tượng Phật nhập Niết bàn, tượng của các vị Bồ tát, động Quan Âm với trung tâm là đức Từ phụ rồi đến động Tuyết Sơn, ban thờ Thánh quan và cuối cùng là ban thờ mẫu Liễu Hạnh.

Trên thượng điện ở vị trí cao nhất có hai hàng tượng Tam Thế Phật, bao gồm một hàng tượng Tam Thế Phật lớn ngồi ở bên trên, có niên đại vào khoảng thế kỷ XVIII - XIX. Hàng tượng Tam Thế thứ hai có lẽ không phải của chùa này như đưa từ nơi khác đến. Bộ tượng này được làm rất đẹp, có niên đại vào cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII với hình thức tay tượng kết ấn tam muội, ấn mật phùng và ấn thuyết pháp. Các tượng mặc áo cà sa bó tương đối sát người, ngực để hở, vú làm khá nở, khiến tính dân gian của tượng khá rõ.

Hàng thứ ba là bộ tượng Di Đà Tam Tôn với

pho A Di Đà ngồi giữa, là sản phẩm của thế kỷ XVII, tượng Quan Âm và Thế Chí ở hai bên đều trong tư thế ngồi, nhưng hai pho đó không cùng một bộ với tượng A Di Đà bởi tỷ lệ không cân xứng.

Tiếp đó là tượng Di Lặc Phật mang phong cách thế kỷ XIX rồi đến tượng Thích Ca. Hai bên pho tượng này là hai vị Bồ Tát được làm khá lớn so với tượng đức Phật ngồi giữa, kèm theo là hai tượng Quan Âm và Thế Chí rất nhỏ đứng bên cạnh (chỉ cao khoảng 0,5m).

Tường hồi của thượng điện, hiện nay có hai tượng chính là Văn Thù dạng nữ cưỡi sư tử xanh và đối xứng là tượng Phổ Hiền cưỡi voi trắng. Hai pho tượng được làm vừa phải với chiều cao toàn thân khoảng hơn 1m. Phía bên trái còn đặt tượng Quan Âm toạ sơn và có lẽ thêm một vị tổ của nhà Phật.

Pho tượng ở góc bên trái của toà thượng điện là Quan Âm Nam Hải kết ấn chuẩn đề. Đây là một pho tượng khá đẹp bởi những nét chạm khắc có tính chất chuẩn mực, các cánh tay nuột nà, ngón tay thon dài dạng búp măng. Tượng có 11 đôi tay lớn, đầu đội bảo quan có đức Từ phụ ngồi chính giữa thành mũ, xung quanh có hào quang, điểm hai bên thành mũ là những mây và một hàng hoa cúc cách điệu ở phía dưới. Tượng vẫn giữ được phong cách Mạc ở chỗ ngực nở, bụng tương đối thon, tuy các cánh sen đã úp hẳn lại nhưng lòng cánh sen vẫn còn giữ hình thức vân xoắn với hạt nổi. Nhìn chung đây là pho tượng rất đẹp trong tạo hình của chùa Mía.

Hai bên tượng Quan Âm Nam Hải là tượng Kim Đồng, Ngọc Nữ cao khoảng 1,2m, tuy nhiên chỉ có pho Ngọc Nữ được làm tương đối sớm, sản phẩm của nghệ thuật cuối thế kỷ XVII, còn pho Kim Đồng mặt già hơn nhưng tượng có niên đại vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Mở đầu cho gian ống muống, từ trong ra là hai tượng của hai vị Ngọc Hoàng Thượng đế, có thể hiểu được đây là tượng của đức Brahma (Đại Phạm Thiên Vương) và đức Indra (Đế Thích) được ngồi trên ngai, ở hai đầu ngai được kết hình đầu rồng quay vào giữa để chầu Ngọc Hoàng. Cách thức trang trí trên ngai tuy được làm rất muện nhưng rất có thể đã theo hình thức của một chiếc ngai cổ của đầu thế kỷ XVII.

Chính giữa toà ống muống, trên một ban thờ tiếp theo, có đặt một pho tượng Phật khá đẹp, dù cho đài sen và tượng không cùng một phong

cách, nhưng niên đại tương đối gần gũi nhau, đều là sản phẩm của cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII. Những cánh sen như được làm từng cánh và lắp ghép vào, lòng cánh sen chạm vân xoắn và hoa cúc cách điệu, đó là một đặc điểm mà chúng ta thường gặp ở niên đại này. Hai bên tượng lại được đặt tượng Phạm Vương và Đế Thích(?), phía ngoài của tượng này đặt A Di Đà đứng, còn gọi là Di Đà phát/phóng quang, cao khoảng 1,2m - một sản phẩm của thế kỷ thứ XVIII, cho ta biết, ít nhất ở đương thời nơi đây có thể đã có tai họa hoặc những điều suy đồi về lòng tin đối với nhà Phật.

Ôm sát ở trên thuộc hai bên ban thờ chính là Thập điện Diêm Vương, đồng thời ngay phía ngoài đó là những tượng khác bao gồm: Thích Ca Sơ sinh, Kim Đồng, Ngọc Nữ, kể cả tượng Ngọc Hoàng và Lão Tử... cho chúng ta thấy có thể những tượng này không hẳn gốc của chùa Mía.

Trên hệ thống chính ở phía ngoài cùng lại là một bàn thờ của Thích Ca sơ sinh nữa, song tượng hai bên thực chất là Nam Tào - Bắc Đẩu (dù mới cho đội mũ bình thiên) với động tác như cầm bút và cầm sách chứ không phải cầm hốt. Đồng thời thất lung ở ngực cũng như hoa văn đã cho thấy không phải là sản phẩm gắn với các vị vua trời.

Hai đầu hồi toà tiền đường đặt tượng Bát bộ Kim Cương bằng đất, to vừa phải, được làm khá đẹp, về cơ bản mang phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. Gian sát hồi là tượng rất lớn của hai vị Hộ pháp Khuyến Thiện và Trìung Ác.

Gian bên phải sát gian giữa tiền đường là một động đắp thờ Quan Âm toạ sơn cùng các chư thần. Đối xứng gian bên trái là nơi đặt ban thờ Bà Chúa Mía. Tuy nhiên mỗi bên của các gian này đều có hai tượng bồ tát ngồi trên toà sen mà thực chất đó là Ái Bồ tát, Ngũ Bồ tát, Sách Bồ tát và Quyền Bồ tát, thị giả của Thích Ca.

Về khám thờ Bà Chúa Mía, rõ ràng các hoa văn trang trí như những con phượng, rồng chầu mặt trời, lân và đao mác đã cho ta thấy đây là sản phẩm của thế kỷ XVIII. Theo nhà chùa thì mỗi năm chỉ mở khám thờ một lần trước Tết Nguyên Đán để bao sai tượng Tượng Bà cao gần bằng người thường, khuôn mặt trái xoan đầy đặn, khăn phủ qua đầu trùm kín tai rồi phủ sang hai vai, mặc áo thụng ít nếp chấy, để hở ngực,

hầu bao thắt nút con do. Hai tay buông, tay trái để ngửa trên đùi, các ngón cong lại đang trong thế ngồi lẩn tránh hạt, chân khoanh lộ bàn chân trái trên đùi phải theo dạng kiết già cát tường. Đây là tượng một phụ nữ với khuôn mặt phúc hậu chỉ khoảng hơn 30 tuổi, tuy rằng niên đại của tượng tương đối muộn nhưng khá đẹp.

Truyền rằng, bà Nguyễn Thị Ngọc Đào (còn gọi là Dong) vợ yêu của chúa Thanh Đô Vương Trịnh Tráng có công lao tu bổ chùa Mía ở đầu thế kỷ XVII, nên sau khi mất Bà được tạc tượng đưa vào chùa thờ và tục gọi là Bà Chúa Mía. Ở đây dân còn lập đền thờ ở cách chùa không xa gọi là đền Bà Chúa Mía, còn gọi là đền Phủ, đền thờ Vương Mẫu, hay đền Giải Sơn Thánh Mẫu.

Truyền thuyết dân gian vùng xứ Đoài còn kể rằng: Có một người con của vua Hùng tên là Mị Ê đã có công lớn với làng và dần dần tên nàng thành tên của Kẻ Mía bởi trong kiểu đọc chệch âm và hội âm thì tên chữ Mị Ê chuyển sang thành chữ Mía và tên làng. Cũng có một câu chuyện khác kể rằng, vua nhà Lý đi đánh Chiêm Thành, bắt được nàng Mị Ê đem về, sau đó nàng tự tử ở Châu Giang<sup>3</sup> (một nhánh ở sông Đáy). Những gợi ý trong các câu chuyện kể trên đã cho chúng ta ngờ rằng Mị Ê vốn có gốc thuộc ngữ hệ Malayo. Và, Kẻ Mía, ở một vùng mực nào đó, dòng văn hoá Mã Lai đã đảo đã thâm nhập ngược các dòng sông lớn để hoà nhập với văn hóa bản địa góp phần tạo nên một hệ văn hóa Việt - Mường ở địa đầu của Hà Tây.

Theo cổ GS. Từ Chi, chính sản phẩm mía được trồng ở ven sông ít nhiều đã gắn với văn hoá Mã Lai.

Nàng Mị Ê (tức nàng Mía) ở vùng Đường Lâm đã gợi cho chúng ta nhớ lại một câu chuyện cổ của những cư dân ngoài biển, tóm tắt như sau: Có hai anh em chài lưới nhà kia, một hôm đi quảng chài mãi mà không bắt được con cá nào, cuối cùng chỉ vớt được duy nhất một đoạn

gậy ngắn có đốt. Không biết làm cách nào, họ đem về vút ở góc vườn trước cửa. Từ đấy mọc lên một bụi cây rậm rạp, ở giữa bụi có một cây cao hơn, trên đỉnh nảy một cặp sùng, giữa hai sùng là một chiếc vẩy. Từ khi có cây thiêng này hai anh em ngày nào cũng đánh được rất nhiều cá, về nhà thấy được dọn dẹp gọn gàng, cơm nước đầy đủ... Một hôm, như lệ thường, hai anh em lại ra đi, nhưng người em bỏ về rình xem ai đã giúp đỡ mình. Anh ta thấy từ cái vẩy ở giữa hai cặp sùng một cô gái nhỏ chui ra, theo đốt cây đi xuống, tới đất đã lớn như người bình thường, vào nhà dọn dẹp. Người em chạy tới ôm lấy cô gái, từ đó họ trở thành vợ chồng và được coi như thủy tổ của loài người...

Qua đây, chúng ta có thể tạm hiểu, cây mía được coi như một trục vũ trụ - con đường nối giữa tầng trên với tầng dưới và các đốt của nó như bậc thang đi về cửa thần linh... Suy cho cùng, cây mía đã trở thành một cây thiêng, mang tính cội nguồn, chở hạnh phúc đến cho muôn loài, muôn vật, đảm bảo cho các vụ mùa (cả ở trên cạn lẫn dưới nước) bội thu. Làng Mía như trở thành một mảnh trời thiên quốc, nữ thần của làng như hoá thân của bà mẹ thủy tổ xa xôi, rồi theo thời gian, ở một vùng mực nào đó, Bà như hội vào Bà Chúa Mía. Lòng sùng kính của con người nhớ về cội nguồn, với những huyền thoại đã dệt nên một miền quê êm đềm, như những ngọn đèn thoi thúc người con quê hương tiến về phía trước./

L.A

#### Chú thích:

- 1 - Lê Mạnh Thát: *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, 1999.
- 2 - Vào tháng 2/2006 cán bộ Cục Di sản văn hoá đã tìm được ngôi đình Xuân Dục ở Gia Lâm cũng có niên đại như trên.
- 3 - *Lĩnh Nam chích quái*.

#### SUMMARY: MÍA PAGODA (LAN ANH)

The article regards to the correlation between the pagoda and the market, putting forward the values of one of the first 100 - section pagoda, at the same time bringing out the values on architectural arts. The author has redefined the statues in the pagoda according to the date and pointed out the statues with high artist value. In general, the author has laid Mía pagoda in the historical space of sculpture arts to decode concerning phenomena.